

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 100/2020/DS-ST.  
Ngày 12 – 8 – 2020.  
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Như Nguyễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thủy.

Bà Phạm Kim Ngọc.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Ngọc Dung. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST – DS, ngày 15 tháng 5 năm 2020, về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST – DS, ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2020/QĐST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ.

Bà Hồ Thu T.

Cùng địa chỉ: Khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, Hậu Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Văn D. Địa chỉ: Đường Hùng Vương, khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Phấn K.

Bà Nguyễn Thu S.

Cùng địa chỉ: Khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.  
Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T do ông Trần Văn D đại diện trình bày: Vào ngày 19/4/2017, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Phan K và bà Nguyễn Thu S một phần đất diện tích 95m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 111, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, với giá chuyển nhượng là 700.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T đã trả đủ số tiền chuyển nhượng nêu trên cho ông Nguyễn Phan K và bà Nguyễn Thu S. Tuy nhiên, khi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên đất thì ông Khởi và bà Sương bị Cơ quan thi hành án ngăn chặn việc chuyển dịch tài sản do có nghĩa vụ phải thi hành án. Để xóa việc ngăn chặn chuyển dịch tài sản, ngày 16/3/2020, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T đã đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh để nộp số tiền mà ông K, bà S phải thi hành án là 95.389.315 đồng, lãi theo hợp đồng tín dụng là 18.059.202 đồng và tiền án phí là 4.769.465 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T còn trả nợ thay cho ông K, bà S số tiền nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Hậu Giang với số nợ gốc là 98.000.000 đồng, tiền lãi 29.646.742 đồng, tiền lãi thu thêm là 2.878.399 đồng. Tổng cộng ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T đã thanh toán nghĩa vụ thay cho ông Khởi, bà Sương số tiền là 248.743.123 đồng. Nay ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phan K và bà Nguyễn Thu S phải có nghĩa vụ trả số tiền 248.743.123 đồng và lãi suất với mức lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 15/3/2020 đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phan K và bà Nguyễn Thu S phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T số tiền 248.743.123 đồng và tính lãi suất với mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/3/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Phan K và bà Nguyễn Thu S đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và chưa đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phan K và bà Nguyễn Thu S vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Phát biểu nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T khởi kiện ông Nguyễn Phần K và bà Nguyễn Thu S đòi lại số tiền đã thanh toán nghĩa vụ thay nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Phần K và bà Nguyễn Thu S có nơi cư trú khi xác lập giao dịch tại khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T khai có thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Nguyễn Phần K và bà Nguyễn Thu S số tiền tổng cộng là 248.743.123 đồng, nay ông Đ, bà T khởi kiện yêu cầu ông K, bà S trả lại số tiền nêu trên. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các đương sự đến Tòa án hòa giải đề trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ nhưng ông K, bà S đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông K, bà S cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh là không có nợ hoặc đã trả hết nợ cho ông Đ, bà T. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do ông K, bà S không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là không có nợ, trong khi ông Đ, bà T cung cấp được các tài liệu, giấy tờ thể hiện có thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông K, bà S với số tiền tổng cộng là 248.743.123 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện của ông Đ, bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về phần lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn D yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 248.743.123 đồng, với mức lãi suất theo quy định pháp luật, kể từ ngày 17/3/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu tính lãi nêu trên thấy rằng giữa ông Đ, bà T với ông K, bà S không có thỏa thuận việc tính lãi và mức lãi suất cụ thể khi xác lập giao dịch, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì bên có nghĩa vụ phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Việc đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cách tính như sau:

$248.743.123 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 145 \text{ ngày} = 9.978.744 \text{ đồng}.$

Như vậy, ông K, bà S phải có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà T số tiền còn nợ vốn, lãi tổng cộng là 258.721.867 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí,

lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166, 357 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Phần K và bà Nguyễn Thu S phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T số tiền còn nợ tổng cộng là 258.721.867 (Hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 248.743.123 đồng; tiền lãi là 9.978.744 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Phần K và bà Nguyễn Thu S phải chịu 12.936.093 (Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm chín mươi ba) đồng. Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Hồ Thu T được nhận lại 6.218.000 (Sáu triệu hai trăm mười tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003088 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Như Nguyễn**